



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÔNG TY KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC_VIỆT NAM

AUDITING - VALUATION CONSULTING ACC_VIETNAM COMPANY

Trụ sở chính: 11/24 Đào Tấn - Ba Đình - Hà Nội
VP giao dịch: P402 - D11 Sunnise Building
Đường Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: (84-4) 3795 0839 * Fax: (84-4) 3795 0838

VP tại TP. Hồ Chí Minh
156/7F Đường Tô Hiến Thành
Phường 15 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08 38625324

VP tại Bắc Miền Trung:
Số 88 Đường Kim Đồng - P. Hưng Bình
TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An
Tel: 0383 3610388

VP tại Hải Phòng:
Số 3 Tòa nhà Thanh Đạt - Lê Thanh Tông
VP tại Hà Nội:
1056 La Thành - Ngọc Khánh - Ba Đình

Website: http://www.acc_vietnam.com

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

1. Khái quát chung

a. Hình thức sở hữu vốn

• Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Việt Nam, Đăng ký kinh doanh số 4106000201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/06/2006, theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26/07/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 04/09/2008 của Bộ Công thương sửa đổi khoản 1 điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 41003011383 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/09/2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09/08/2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty mẹ	:	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
Tên giao dịch Công ty mẹ	:	VIETNAM PLASTIC CORPORATION
Tên viết tắt	:	VINAPLAST CORP
Trụ sở chính	:	300B, Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Vốn điều lệ	:	198.000.000.000 VND (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn)
Tên Chi nhánh Công ty mẹ	:	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI
Trụ sở Chi nhánh	:	39A Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

• Các công ty con

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty bao gồm Công ty mẹ và 6 Công ty con. Chi tiết về các Công ty con cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0311679634 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/03/2012, và theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 01/08/2012. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 10.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 320 Bến Vân Đồn - Phường 02 - Quận 04 - TP. Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa số 1 là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0310541880 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/12/2010, và theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 17/05/2012. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 5.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0105008197 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2010, và theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 01/08/2012. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 5.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Số 18C Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103006640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2005, và theo đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 31/01/2008. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 24.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 41,92%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4603000379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/08/2007, và theo đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 22/06/2011. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 27.303.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 99,6%. Trụ sở đăng ký của Công ty: Lô K-3-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

- Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2003000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 10/10/2000, và theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 18/12/2007. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 2.400.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 51%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Xã Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

• **Các công ty liên doanh, liên kết**

- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2005, và theo đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 10/03/2011. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 40.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 22,19%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạch, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 462032000203 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 10/07/2007 với thời gian hoạt động 48 năm, và theo giấy phép điều chỉnh lần thứ năm do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp ngày 18/07/2011. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 143.360.000.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 30%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Lô K-3-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa mộc Nghệ An là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2901372649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01/04/2011. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 2.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 49%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại số 1A, Đường Thái Phiên, Phường Vinh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1287/GCNDĐC12/47/2 do Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cấp lần đầu ngày 25/03/2008. Giấy phép đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên. Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh thành giấy chứng nhận đầu tư số 472023000582 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 03/01/2012 và có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 598.039.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 15%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Phòng 901, Lầu 9, 35 Nguyễn Huệ, Harbour View Tower, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000440 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 30/06/2008, và theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26/04/2012. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 44.279.528.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 27,51%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303643747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003, và theo đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2012. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 81.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 41,6%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 320 Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khắc Long	Chủ tịch
Ông Lê Hoàng	Thành viên
Ông Đào Duy Kha	Thành viên
Bà Cán Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Nhựt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Long	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Ông Đào Duy Kha

Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Cao Minh Tâm
Ông Nguyễn Văn Thơm
Bà Lê Thị Kim Phượng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC_Việt Nam.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 với lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là 9.715.207.980 VND được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, sau ngày khóa sổ kế toán Công ty sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn 43.008.000.000 VND tương đương 4.300.800 Cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina cho Công ty TNHH Hóa Chất Youl Chon với giá trị chuyển nhượng không thấp hơn 2.700.000 USD cộng lãi suất ngân hàng bình quân trong năm hoạt động.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 và Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chế độ kế toán hiện hành;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty. Vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện
Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Long
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2013



CÔNG TY KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC VIỆT NAM
AUDITING - VALUATION CONSULTANCY ACC VIETNAM COMPANY

Trụ sở chính / Head Office: 11/24 Đào Tấn - Ba Đình - Hà Nội
VPGD/Office: R402 - D11 - Sunrise Building - Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại / Tel : (84-4) 3795 0839 - 2241 6223 * Fax : (84-4) 3795 0838
Email: info@acc-vietnam.com * Website: http://www.acc-vietnam.com

Số: 8713 /BCKT - ACC_Vietnam

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC_Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, được lập ngày 26 tháng 06 năm 2013 từ trang 07 đến trang 41. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo các nguyên tắc kế toán, Luật kế toán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập, trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý và đảm bảo rằng Công ty tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định trong Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các nguyên tắc kế toán được sử dụng và những ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi thực hiện cuộc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù riêng áp dụng riêng cho quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 chưa được kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC VIỆT NAM



Nguyễn Văn Thành
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0814/KTV

Trương Khắc Tâm
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0514/KTV

Lưu ý:

Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, theo ước tính Kiểm toán viên số cần trích lập đối với Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina là 28.478.488.536 VND. Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 4458/BCT-CNN ngày 25/05/2012 của Bộ Công thương về việc "Xin chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina" trả lời Công văn số 206/BPĐDCSHVNN ngày 21/05/2012 của Bộ phận đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam giá chuyển nhượng phần vốn nói trên không dưới 2.700.000 USD cộng với lãi suất ngân hàng bình quân hiện hành (Hiện giá trị vốn góp của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina là: 43.008.000.000 VND). Căn cứ Công văn số 46-2012/CV-YCVN-HĐQT ngày 30/05/2012 của Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina trả lời Công văn số 220/CV-NVN-TCKT của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam về việc "Đề nghị chuyển nhượng vốn", Công ty TNHH Hóa chất Youl Chon (Cổ đông chi phối của Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina) đã chính thức đề nghị mua lại toàn bộ 4.300.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam với mức giá theo hướng dẫn tại Công văn 4458/BCT-CNN ngày 25/05/2012 của Bộ Công thương. Tuy nhiên, trong năm 2013 Công ty TNHH Hóa chất Youl Chon có gửi Công văn số YCC - Overseas - 201212 - 001 ngày 24/12/2012 xin kéo dài thời gian việc chuyển nhượng trên do suy giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để các bên thảo luận thêm. Theo đó, hiện Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina.

Theo Công văn số: 510/CV-TL ngày 05/10/2012, Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long xin rút một phần vốn góp khỏi Dự án xây dựng "Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cán bộ công nhân viên" với số tiền 21.000.000.000 VND tương đương 29%. Đồng thời, Công ty đã thực hiện hạch toán toàn bộ khoản rút vốn này vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2012 và tăng khoản phải thu khác tương ứng do đây là khoản đánh giá tăng giá trị vốn góp theo biên bản thống nhất số 0712 ngày 07/12/2010 về việc xác nhận vốn góp của các bên tính đến ngày 07/12/2010. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã gửi Công văn số 467/CV-NVN-TCKT ngày 06/12/2012 xin góp vốn vào dự án trên bằng số tiền Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long xin rút vốn và đã có được sự thống nhất giữa các bên góp vốn tại dự án này. Tuy nhiên, hiện Công ty và các đối tác đang thực hiện hoàn thiện các thủ tục hồ sơ cần thiết để thay đổi thông tin các bên góp vốn trên giấy chứng nhận đầu tư.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: B01- DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		295.344.857.672	293.696.144.887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	03	41.373.158.181	23.027.327.257
1. Tiền	111		27.425.008.181	22.027.327.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.948.150.000	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.178.428.094	152.297.884.109
1. Phải thu khách hàng	131		139.539.868.283	119.733.124.382
2. Trả trước cho người bán	132		1.967.524.878	12.085.603.512
3. Các khoản phải thu khác	135	04	38.115.829.527	20.903.024.738
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(444.794.594)	(423.868.523)
IV. Hàng tồn kho	140	05	59.016.714.811	100.438.226.488
1. Hàng tồn kho	141		59.314.589.657	100.438.226.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(297.874.846)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.776.556.586	17.932.707.033
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.436.973.674	2.894.581.829
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.492.203.404	7.880.478.743
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		83.193.471	293.119.973
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	06	8.764.186.037	6.864.526.488
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		418.177.561.125	390.492.076.485
I. Tài sản cố định	220		190.398.006.243	210.452.474.138
1. Tài sản cố định hữu hình	221	07	118.482.826.110	130.277.459.969
- Nguyên giá	222		197.526.989.480	195.356.288.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.044.163.370)	(65.078.828.348)
2. Tài sản cố định vô hình	227	08	13.050.483.319	22.028.655.937
- Nguyên giá	228		16.143.151.480	24.649.552.071
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.092.668.161)	(2.620.896.134)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	09	58.864.696.814	58.146.358.232
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		217.992.161.853	166.478.372.796
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	196.385.861.853	166.261.194.278
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	21.606.300.000	358.540.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(141.361.482)
III. Tài sản dài hạn khác	260		9.787.393.030	13.561.229.551
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.538.169.568	12.580.471.673
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		249.223.462	33.184.011
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
IV. Lợi thế thương mại	269		5.952.773.867	947.573.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		719.475.192.665	684.188.221.372

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số: B01 - DN Đơn vị tính: VND	
			31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		518.508.896.517	485.033.852.577
I. Nợ ngắn hạn	310		421.325.246.227	375.509.446.286
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	190.068.490.445	209.734.290.211
2. Phải trả người bán	312		99.716.573.789	67.779.057.614
3. Người mua trả tiền trước	313		4.516.157.560	3.219.500.525
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	54.815.380.683	53.237.216.077
5. Phải trả người lao động	315		4.052.823.162	1.578.471.197
6. Chi phí phải trả	316		1.799.836.035	144.654.611
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	66.526.084.460	39.829.385.003
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(170.099.907)	(13.128.952)
II. Nợ dài hạn	330		97.183.650.290	109.524.406.291
1. Phải trả dài hạn người bán	331	16	18.602.255.625	18.602.255.625
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		133.000.000	124.659.364
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	78.107.485.571	90.387.600.100
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	46.254.836
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		340.909.094	363.636.366
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		193.104.001.593	190.337.080.517
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	191.922.875.830	189.434.153.282
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.132.796
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		104.750.486	190.096.831
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		151.471.273	297.002.497
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.527.735.430)	(5.359.807.424)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		309.409.622	685.624.540
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		30.409.987	113.853.526
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(434.560.109)	(781.749.484)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.181.125.763	902.927.235
1. Nguồn kinh phí	432		1.181.125.763	902.927.235
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		7.862.294.555	8.817.288.278
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		719.475.192.665	684.188.221.372

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: B01- DN

Chỉ tiêu	Mã số	ĐVT	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài	001	VND	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002	VND	-	-
+ Thành phẩm nhựa tấm		Kg	1.292	-
+ Vật tư, hàng hóa khác		Tấn	3.841	1.772
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003	VND	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	VND	-	-
5. Ngoại tệ các loại	007	USD	52.708,12	36.578,74
		EUR	79,70	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	008	VND	-	-

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2013

Người lập



Trần Thị Phụng

Phụ trách kế toán



Phan Trung Nam

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2012

Mẫu số: B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	19	1.225.092.040.104	992.435.691.620
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	20	4.338.136.298	4.852.199.014
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	1.220.753.903.806	987.583.492.606
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.171.063.945.396	929.541.725.651
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.689.958.410	58.041.766.955
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	39.127.608.665	19.161.783.611
7. Chi phí tài chính	22	24	58.169.420.950	37.278.225.761
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40.300.769.387	34.298.060.238
8. Chi phí bán hàng	24		18.464.669.448	13.704.896.254
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.877.386.151	24.273.029.553
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(19.693.909.474)	1.947.398.998
11. Thu nhập khác	31	25	14.816.980.903	5.562.658.950
12. Chi phí khác	32	26	588.688.294	2.254.868.100
13. Lợi nhuận khác	40		14.228.292.609	3.307.790.850
14. Phần lãi lỗ trong Công ty Liên kết liên doanh	45		15.666.692.202	(1.879.686.316)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.201.075.337	3.375.503.532
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		204.025.537	410.925.377
Giảm trừ do ưu đãi thuế từ chuyển đổi doanh nghiệp				-
Giảm trừ thuế TNDN 30%				-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.997.049.799	2.964.578.155
Lợi nhuận phải chia cho các bên tham gia trong hợp đồng hợp tác kinh doanh			-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		281.841.819	1.261.361.366
Lợi nhuận sau thuế của các cổ đông của Công ty mẹ	62		9.715.207.980	1.703.216.790
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	27	500	86

Người lập

Phụ trách kế toán

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2013

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phụng

Phan Trung Nam

Nguyễn Khắc Long

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 41 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2012

Mẫu số B03-DN
Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2011
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.464.739.294.145	1.165.129.191.214
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(1.294.417.226.478)	(963.556.080.656)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(27.549.542.219)	(17.873.344.439)
4	Tiền chi trả lãi vay	(38.944.345.410)	(38.984.190.347)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(561.513.169)	(656.722.308)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	44.176.299.539	63.515.015.659
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(98.408.681.528)	(224.045.320.974)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	49.034.284.880	(16.471.451.851)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(503.003.636)	(837.797.963)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	(146.442.000)
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.530.000.000)	(1.700.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	3.152.240.000	(19.910.000.000)
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(24.244.000.000)	22.046.498.356
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(8.760.140.508)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	6.272.851.721	13.940.430.723
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(17.851.911.915)	4.632.548.608
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1	Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	15.000.000.000	4.105.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	(405.000.000)
2	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	604.912.023.279	738.161.297.974
3	Tiền chi trả nợ gốc vay	(629.384.642.182)	(749.852.914.945)
4	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
5	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(3.363.790.000)	(4.225.019.964)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(12.836.408.903)	(12.216.636.935)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	18.345.964.062	(24.055.540.178)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	23.027.327.257	47.106.889.285
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(133.138)	(24.021.850)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	41.373.158.181	23.027.327.257

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2013

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phụng

Phan Trung Nam

Nguyễn Khắc Long



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B09-DN

(Thuyết minh từ trang 12 đến trang 41 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. KHÁI QUÁT CHUNG

a. Hình thức sở hữu vốn

• Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Việt Nam, Đăng ký kinh doanh số 4106000201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/06/2006, theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26/07/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 04/09/2008 của Bộ Công thương sửa đổi khoản 1 điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 41003011383 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/09/2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09/08/2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty mẹ	:	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
Tên giao dịch Công ty mẹ	:	VIETNAM PLASTIC CORPORATION
Tên viết tắt	:	VINAPLAST CORP
Trụ sở chính	:	300B, Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Vốn điều lệ	:	198.000.000.000 VND (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn)
Tên Chi nhánh Công ty mẹ	:	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI
Trụ sở Chi nhánh	:	39A Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

• Các công ty con

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty bao gồm Công ty mẹ và 6 Công ty con. Chi tiết về các Công ty con cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0311679634 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/03/2012, và theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 01/08/2012. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 10.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 320 Bến Vân Đồn - Phường 02 - Quận 04 - TP. Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa số 1 là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0310541880 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/12/2010, và theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 17/05/2012. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 5.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0105008197 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2010, và theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 01/08/2012. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 5.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Số 18C Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103006640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2005, và theo đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 31/01/2008. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công

ty là 24.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 41,92%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4603000379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/08/2007, và theo đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 22/06/2011. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 27.303.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 99,6%. Trụ sở đăng ký của Công ty: Lô K-3-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

- Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2003000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 10/10/2000, và theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 18/12/2007. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 2.400.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 51%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Xã Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

• **Các công ty liên doanh, liên kết**

- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2005, và theo đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 10/03/2011. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 40.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 22,19%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạch, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 462032000203 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 10/07/2007 với thời gian hoạt động 48 năm, và theo giấy phép điều chỉnh lần thứ năm do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp ngày 18/07/2011. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 143.360.000.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 30%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Lô K-3-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa mộc Nghệ An là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2901372649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01/04/2011. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 2.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 49%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại số 1A, Đường Thái Phiên, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1287/GCNDĐC12/47/2 do Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cấp lần đầu ngày 25/03/2008. Giấy phép đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên. Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh thành giấy chứng nhận đầu tư số 472023000582 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 03/01/2012 và có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 598.039.000.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 15%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Phòng 901, Lầu 9, 35 Nguyễn Huệ, Harbour View Tower, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000440 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 30/06/2008, và theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26/04/2012. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 44.279.528.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 27,51%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- Công ty Cổ phần Nhựa Ván Đồn là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303643747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003, và theo đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2012. Tại ngày 31/12/2012 vốn của Công ty là 48.749.000.000 VND trong đó vốn của Công ty CP Nhựa Việt Nam chiếm 41,6%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 320 Bến Ván Đồn, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Hoạt động kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381966 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08 tháng 9 năm 2010, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hoá phẩm; (không

sản xuất tại trụ sở Công ty); Chế tạo khuôn mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa (không hoạt động tại trụ sở);

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ, triển lãm. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm.
- In ấn. Chi tiết: In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (Không hoạt động tại trụ sở).
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê bãi đậu xe. Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ phục vụ các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không sản xuất tại trụ sở Công ty).
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ giấy phục vụ các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không sản xuất tại trụ sở Công ty).
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm.
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (Không hoạt động tại trụ sở).
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ mới./.

2. NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

a) Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính 2012. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

b) Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các

công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động các công ty này. Trong đó báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An đang trình bày theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng Bộ tài chính đã được trình bày lại để chính sách kế toán áp dụng chung theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006”.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty được sự quản lý bởi công ty mẹ và giữa công ty mẹ với các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty con hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của công ty mẹ trong các công ty con. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Trong năm 2012, Công ty loại trừ chưa đầy đủ giao dịch nội bộ là tiền thuê máy móc Công ty mẹ phải thu công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long.

c) Năm tài chính và đơn vị tiền tệ kế toán

Năm tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.
Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

d) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

e) Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

f) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Công ty chưa thực hiện phân bổ lợi thế thương mại trên báo cáo hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

g) Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các khoản chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả phải nộp khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá sau ghi nhận ban đầu

Hiện chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

h) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

i) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho”.

j) Công nợ và dự phòng phải thu khó đòi

Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long và Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính 31/12/2012.

Công nợ phải thu Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đang chênh lệch với theo dõi công nợ phải trả của Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang với số tiền làm ảnh hưởng lợi nhuận trước thuế tăng lên một khoản tương ứng với số tiền là 312.745.880 VND.

Công nợ phải thu của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chênh lệch với công nợ phải trả Công ty cổ phần Nhựa Việt Phước đang theo dõi với số tiền là: 1.182.018.607 VND làm ảnh hưởng lợi nhuận trước thuế toàn tập đoàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính tăng lên tương ứng 1.182.018.607 VND.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cho những khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 06 tháng hoặc khách hàng đang trong thời gian xem xét giải thể, phá sản, truy tố hoặc gặp các khó khăn tương tự khác phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/T - BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

k) Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua mới bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh, chi phí lắp đặt, chạy thử và các chi phí khác có liên quan.

Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Tài sản khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình gồm phần mềm kế toán với thời gian khấu hao từ 04 năm đến 07 năm, quyền sử dụng đất với thời gian khấu hao từ 41 năm đến 45 năm.

l) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chủ yếu là tiền thuê máy ép phun, máy móc khuôn mẫu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long, công cụ dụng cụ đã xuất dùng và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Một số khoản chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn Công ty chưa phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2012.

m) Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty mẹ là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài sản, các chi phí trực tiếp tạo ra doanh thu hoạt động cho thuê tài sản được ghi nhận ngay vào chi phí phát sinh trong năm cho thuê.

Công ty mẹ là bên đi thuê: Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian đi thuê.

n) Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các sản phẩm về nhựa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ chủ yếu từ hoạt động cho thuê tài sản nhà cửa, máy móc thiết bị.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

o) Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán được đánh giá lại tỷ giá bình theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 và thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm các khoản lỗ mang sang nếu có) và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Trong năm 2012, các công ty con được miễn giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động kinh doanh chính căn cứ theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 28 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội về “ Ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân”. Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước được miễn 2 năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 06 năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% áp dụng trong thời hạn 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước được miễn 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

r) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ chủ yếu của dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở bán tại 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội do Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long (Công ty con) ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư số 01.BS/HTĐT/KDBDS với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng và Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng I- Hà Nội

Tên dự án	: Dự án Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội
Tổng mức đầu tư	: 499.358.000.000 VND, trong đó: Vốn tự có: 74.904.000.000 VND Vốn huy động: 247.647.000.000 VND Vốn vay: 149.807.000.000 VND
Diện tích	: 3.209,80 m ²
Mật độ xây dựng	: 52,40%
Diện tích xây dựng	: 1.682,60 m ²
Tổng diện tích sàn	: 40.108,23 m ²
Chiều sâu 03 tầng hầm	: 10,10 m (từ cos±0.00 đến cos -10,10m)
Tổng chiều cao công trình	: 88,00 m
Số tầng	: 25 tầng + 03 tầng hầm và 02 tầng kỹ thuật
Chủ đầu tư	: Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng I - Hà Nội
Thời gian thực hiện dự án	: 04 năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 21/05/2009

s) Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên Công ty thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho cán bộ công nhân viên dựa trên số năm làm việc và mức lương đóng cơ bản tại thời điểm thôi việc. Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01/01/2009, Công ty và cán bộ công nhân viên phải đóng bảo hiểm thất nghiệp. Mức đóng mỗi bên được tính bằng 01% mức lương cơ bản và nhỏ hơn 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định ở từng thời kỳ.

Trợ cấp mất việc làm được trích và hạch toán theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp và Thông tư số 180/2012/TT - BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Trong năm Công ty có chi trả trợ cấp mất việc làm cho Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long với tổng số tiền 27.257.375 VND và Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang với số tiền là 39.145.300 VND.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	9.397.619.420	8.335.379.399
Tiền gửi ngân hàng	18.027.388.761	13.691.947.858
Các khoản tương đương tiền (*)	13.948.150.000	1.000.000.000
Cộng	41.373.158.181	23.027.327.257

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	400.577.398
Phải thu cán bộ công nhân viên	379.303.950	374.926.000
Phải thu từ ngân sách nhà nước (được hoàn thuế bảo vệ môi trường)	508.920.000	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	38.433.100	-
Phải thu các bên liên doanh (*)	20.715.493.735	5.290.804.390
+ Công ty TNHH LD Việt Thái Plastchem	9.250.379.231	3.032.389.886
+ Công ty TNHH LD nhựa và hóa chất TPC Vina	10.189.874.504	2.038.874.504
+ Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	121.620.000	219.540.000
+ Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú	1.153.620.000	-
Đặt cọc tiền thuê nhà	93.000.000	93.000.000
Bộ tài chính (Tiền bán cổ phần lần đầu)	-	10.113.625.000
Phải thu khác (**)	16.380.678.742	4.630.091.950
Cộng	38.115.829.527	20.903.024.738

(*) Phải thu các bên liên doanh.

+ Khoản phải thu khác tại Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plaschem là khoản phải thu cổ tức được chia từ lợi nhuận đạt được sau thuế của hợp đồng hợp tác liên doanh nhưng chưa nhận được tiền.

+ Khoản phải thu khác tại Công ty TNHH Liên doanh Nhựa và hóa chất TPC-Vina là khoản phải thu cổ tức được chia từ lợi nhuận đạt được sau thuế của hợp đồng hợp tác liên doanh nhưng chưa nhận được tiền.

+ Khoản phải thu khác tại Công ty Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú là khoản phải thu cổ tức được chia từ lợi nhuận đạt được sau thuế của hợp đồng hợp tác liên doanh nhưng chưa nhận được tiền

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	327.616.649	7.493.463.427
Nguyên liệu, vật liệu	18.454.081.336	25.073.695.484
Công cụ, dụng cụ	84.074.661	117.208.335
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.681.076.850	5.481.747.011
Thành phẩm	16.954.122.179	17.209.673.060
Hàng hóa	19.773.893.681	44.268.601.348
Hàng gửi bán	39.724.301	793.837.823
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(297.874.846)	-
Cộng	59.016.714.811	100.438.226.488

Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho để có cơ sở phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho"

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	3.728.394.043	3.523.273.714
Tài sản thiếu chờ xử lý	458.898.340	40.040.956
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.576.893.654	3.301.211.818
+ Tại Công ty mẹ (*)	1.016.508.482	2.433.075.931
+ Tại các Công ty con	3.560.385.172	868.135.887
Cộng	8.764.186.037	6.864.526.488

(*) Bao gồm 3 khoản ký quỹ: 17,817 USD cho khoản mở LC144038 (Nhà cung cấp Lotte)
22,572 USD cho khoản mở LC143356 (Nhà cung cấp PTT)
8,481 USD cho khoản mở LC145036 (Nhà cung cấp Jambo)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2012	56.176.832.837	127.138.012.330	10.274.224.017	1.676.028.226	91.190.907	195.356.288.317
Tăng trong năm	929.103.353	1.009.528.508	107.400.000	738.449.107	-	2.784.480.968
Mua sắm mới	-	998.228.508	107.400.000	481.186.382	-	1.586.814.890
XDCB chuyển giao	866.318.027	-	-	-	-	866.318.027
Tăng khác	62.785.326	11.300.000	-	257.262.725	-	331.348.051
Giảm trong năm	11.300.000	589.011.233	13.468.572	-	-	613.779.805
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	11.300.000	589.011.233	13.468.572	-	-	613.779.805
Tại ngày 31/12/2012	57.094.636.190	127.558.529.605	10.368.155.445	2.414.477.333	91.190.907	197.526.989.480
Giá trị hao mòn						
Tại ngày 01/01/2012	7.625.523.496	51.061.201.135	5.285.587.528	1.083.868.007	22.648.182	65.078.828.348
Tăng trong năm	3.478.334.714	10.730.436.823	1.509.007.753	288.924.358	15.417.273	16.022.120.921
Khấu hao trong năm	2.755.456.158	10.676.887.793	1.207.727.387	284.961.064	15.417.273	14.940.449.675
Tăng khác	722.878.556	53.549.030	301.280.366	3.963.294	-	1.081.671.246
Giảm trong năm	1.069.155.978	301.028.838	686.601.083	-	-	2.056.785.899
Giảm khác	1.069.155.978	301.028.838	686.601.083	-	-	2.056.785.899
Tại ngày 31/12/2012	10.034.702.232	61.490.609.120	6.107.994.198	1.372.792.365	38.065.455	79.044.163.370
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2012	48.551.309.341	76.076.811.195	4.988.636.489	592.160.219	68.542.725	130.277.459.969
Tại ngày 31/12/2012	47.059.933.958	66.067.920.485	4.260.161.247	1.041.684.968	53.125.452	118.482.826.110

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.840.173.622 VND;
Giá trị còn lại của tài sản cố định đem cầm cố thế chấp: 98.204.437.404 VND

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2012	24.276.228.591	373.323.480	24.649.552.071
Tăng trong năm	-	65.000.000	65.000.000
- Mua trong năm	-	65.000.000	65.000.000
- Tăng khác	-	-	-
Giảm trong năm	8.571.400.591	-	8.571.400.591
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	8.571.400.591	-	8.571.400.591
Tại ngày 31/12/2012	15.704.828.000	438.323.480	16.143.151.480
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2012	2.552.359.929	68.536.205	2.620.896.134
Tăng trong năm	1.377.860.970	47.652.944	1.425.513.914
- Khấu hao trong năm	1.377.860.970	47.652.944	1.425.513.914
- Tăng khác	-	-	-
Giảm trong năm	953.741.887	-	953.741.887
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	953.741.887	-	953.741.887
Tại ngày 31/12/2012	2.976.479.012	116.189.149	3.092.668.161
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2012	21.723.868.662	304.787.275	22.028.655.937
Tại ngày 31/12/2012	12.728.348.988	322.134.331	13.050.483.319

Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã đem thế chấp TSCĐ là quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt với tổng giá trị còn lại tại 31/12/2012 là 12.411.386.634 VND.

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước đã đem thế chấp TSCĐ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xưởng, nhà bảo vệ, nhà xe, nhà bơm) để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với giá trị là 9.855.027.247 VND.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án Nhà máy tái chế phế liệu	13.636.363	13.636.363
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án xây dựng trụ sở, văn phòng tại 360 Giải Phóng, Hà Nội (*)	58.755.403.475	58.026.681.417
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	95.656.976	106.040.452
Cộng	58.864.696.814	58.146.358.232

(*) Đây là công trình Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long (Công ty con) đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 01.BS/HTĐT/KDBDS với Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng và Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng I- Hà Nội về việc xác nhận số tiền góp vốn vào đầu tư xây dựng Dự án: " Trụ sở, văn phòng trung bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên" tại 360 Giải Phóng -

Hà Nội với tổng đầu tư xấp xỉ 500 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long góp 45%. Tại thời điểm 31/12/2012 Công ty cổ phần Nhựa Thăng Long đã thực chi vào dự án với giá trị 1,2 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng đã góp 2 tỷ và Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng 1- Hà Nội đã góp 17 tỷ đồng.

Theo Công văn số: 510/CV-TL ngày 05/10/2012 về việc Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long xin rút một phần vốn góp khỏi Dự án xây dựng "Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cán bộ công nhân viên" tại 360 Giải Phóng, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.bx/HTĐT-KDBDS (HD-BCC) ngày 21/01/2009 với số tiền 21.000.000.000 VND. Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã gửi Công văn số: 467/CV-NVN-TCKT ngày 06/12/2012 xin góp vốn vào dự án trên bằng số tiền Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long xin rút vốn và đã có được sự thống nhất giữa các bên góp vốn tại dự án này. Hiện Công ty và các đối tác đang thực hiện hoàn thiện các thủ tục hồ sơ cần thiết để thay đổi thông tin các bên góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án này.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Liên doanh Việt Thái Plastchem	27.491.960.799	15.593.950.627
Công ty Liên doanh TPC Vina	101.053.739.072	85.749.709.119
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	34.845.425.584	8.204.042.259
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	17.198.423.355	12.622.425.216
Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	14.654.774.345	43.071.782.940
Công ty CP SX TMDV Nhựa Mộc Nghệ An	1.141.538.698	1.019.284.117
Cộng	196.385.861.853	166.261.194.278

Thông tin chi tiết đầu tư liên doanh, liên kết

Tên đối tượng	Loại hình	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Liên doanh Việt Thái Plastchem	Liên doanh Đồng kiểm soát	27,52%
Công ty Liên doanh TPC Vina	Liên doanh Đồng kiểm soát	15,00%
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết	41,6%
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	Công ty liên kết	22,19%
Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	Công ty liên kết	29,94%
Công ty CP SX TMDV Nhựa Mộc Nghệ An	Công ty liên kết	49,00%

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Cho vay bà Vũ Thị Ngọc Lan	-	23.000.000
Cho vay Ông Nguyễn Quốc Nhựt	300.000.000	-
Cho vay Lê Thị Kim Phượng	6.300.000	12.500.000
Cho vay Cao Duy Vương	-	6.640.000
Cho vay Phạm Bá Nguyên	-	16.400.000
Đầu tư vào dự án xây dựng tại 360 Giải Phóng (*)	21.000.000.000	
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Habeco (**)	300.000.000	300.000.000
Cộng	21.606.300.000	358.540.000

(*) Chi tiết về đầu tư xây dựng dự án 360 Giải Phóng được trình bày chi tiết tại thuyết minh số 9

(**) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Habeco, chi tiết số lượng cổ phần như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần Bao bì HABECO	30.000	30.000
Cộng	30.000	30.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc (i)	172.001.842	25.545.456
Chi phí vận chuyển máy móc (i)	150.527.273	77.800.000
Chi phí đồng phục (i)	58.018.030	-
Chi phí máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ (i)	1.007.887.276	640.762.821
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, nhà xe	93.565.787	618.133.937
Chi phí thuê máy móc (ii)	5.139.021.247	7.417.434.220
Chi phí tiền thuê đất (iii)	2.510.526.056	2.572.714.639
Chi phí trả trước dài hạn khác (i)	406.622.057	1.228.080.600
	9.538.169.568	12.580.471.673

(i) Chi phí chưa phân bổ một phần tương ứng cho năm 2012 vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

(ii) Chi phí chưa được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất trong năm 2012 là 4.530.748.297 VND

(iii) Hợp đồng thuê đất số 11/HĐTD giữa Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp và Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước với thời hạn thuê đến ngày 14/01/2055

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	179.842.678.874	202.277.208.569
- Vay tại Công ty mẹ	143.391.034.561	154.504.860.439
- Vay tại các Công ty con	36.451.644.313	47.772.348.130
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	10.225.811.571	7.457.081.642
- Vay tại Công ty mẹ	9.938.613.171	6.569.883.242
- Vay tại các Công ty con	287.198.400	887.198.400
Cộng	190.068.490.445	209.734.290.211

Một số hợp đồng vay cần chú ý tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau

1. Tại Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long

1.1. Hợp đồng hạn mức tín dụng số 286.11.056.35715.TD ký kết ngày 18 tháng 09 năm 2012 của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt, hạn mức tín dụng 20.000.000.000 VND, chi tiết như sau:

Bao gồm 13 lần nhận nợ căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 286.11.056.35715.TD ngày 18/09/2012. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ nhựa. Lãi suất cho vay theo lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm tiền Việt Nam đồng 12 tháng (trả lãi sau)

cộng với biên độ 5% hoặc 6%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tối thiểu 8%/năm và Điều khoản chung 09.10.056.35715.DKTD ký ngày 26/02/2010.

Tài sản bảo đảm là quyền thuê đất và tài sản hình thành trên đất tại khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh thuộc sở hữu của Công ty theo Biên bản kiểm định tài sản thế chấp 18/09/20112 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 21/2011/HĐTC quyền số 1TP/CCSCC/HĐGD ngày 18/01/2011 và các phụ lục, văn bản sửa đổi kèm theo với giá trị tài sản đảm bảo được định giá 24.070.592.000 VND.

1.2 Hợp đồng tín dụng số 01-2012/NHTMCPCTCD-CTYCPNTL ngày 15/08/2012, hạn mức cho vay 19.000.000.000 VND;

Bao gồm 31 giấy nhận nợ theo mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, thời hạn vay đến 30/06/2013, lãi suất của khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất hàng năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ 3,8% đối với đồng Việt Nam nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay ngắn hạn do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương quy định trong từng thời kỳ.

Hình thức bảo đảm cho các khoản vay trên là thế chấp tài sản, giá trị tài sản thế chấp 372.553.000 VND căn cứ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01-2012/NTL/HĐTCTS ngày 28/12/2012 chi tiết như sau:

- + Giấy tờ sở hữu, quyền sử dụng tài sản đảm bảo Máy 550-1996 với trị giá tài sản thế chấp được định giá 1 VND
- + Giấy tờ sở hữu, quyền sử dụng tài sản đảm bảo Trạm biến áp với trị giá tài sản thế chấp được định giá 1 VND
- + Giấy tờ sở hữu, quyền sử dụng tài sản đảm bảo Xe 34 chỗ SAMCO với trị giá tài sản thế chấp được định giá 116.561.998 VND
- + Giấy tờ sở hữu, quyền sử dụng tài sản đảm bảo Xe 8 chỗ Suzuki với trị giá tài sản thế chấp được định giá 255.991.000 VND.

2. Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước

2.1 Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số: 600B11 ngày 18 tháng 11 năm 2011.

Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 VND

Thời hạn vay: 04 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất: 17,2%/năm và được điều chỉnh theo lãi suất thị trường.

Tài sản đảm bảo bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xưởng, nhà bảo vệ, nhà xe, nhà bơm), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 163290, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT00822 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/11/2010 trị giá 12.017.317.073 VND. Hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ các khoản phải thu có giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 10.000.000.000 VND. Mục đích vay của Công ty là: Bổ sung vốn lưu động.

2.2 Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số: 85B12 ngày 20 tháng 11 năm 2012.

Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 VND

Thời hạn vay: 06 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất: 12%/năm và được điều chỉnh theo lãi suất thị trường.

Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xưởng, nhà bảo vệ, nhà xe, nhà bơm), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 163290, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT00822 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/11/2010 có trị giá 9.855.027.247 VND.

3. Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Sài Gòn. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6220LDS201200217 ngày 01/03/2012 Hạn mức tín dụng 55.000.000.000 đồng, lãi suất 19%, lãi suất thay đổi khi có thông báo thay đổi lãi suất do Ngân hàng cấp trên ban hành từng thời điểm. Mục đích sử dụng vay là bổ sung vốn lưu động. Công ty bảo đảm khoản tiền vay là một phần cho vay tín chấp, một phần cho vay có bảo đảm bằng tài sản thực hiện theo Hợp đồng số 6220LCL201200 ngày 01/03/2012.

+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Điện Biên Phủ. Hợp đồng tín dụng số PĐBP.DN.02250211 ngày 28/02/2011, Hạn mức vay bằng VND: 100.000.000.000 đồng, hạn mức số dư nợ vay USD là 191.596 USD và lãi suất: 20%-24% (vay VNĐ); 7%-8,5% (vay USD). Lãi suất vay được điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh sản phẩm và nguyên vật liệu nhựa. Tài sản đảm bảo bao gồm: Bất động sản là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 300B Nguyễn Tất Thành, phường 14, quận 4, TP. HCM, vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn, Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina, Vốn góp vào Công ty TNHH Hóa chất TPC Vina và bất động sản tọa lạc tại Lô K-3B-CN, KCN Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển CN Sài Gòn. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 706/2012/HĐ ngày 11 tháng 06 năm 2012, hạn mức: 50.000.000.000 VND. Mục đích là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo Chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là: Tiền gửi tại BIDV Sài Gòn tương ứng với giá trị đảm bảo tối thiểu 60% dư nợ vay, bảo lãnh, phát hành L/C. Bên vay cam kết bổ sung thêm tài sản đảm bảo trong trường hợp chính sách khách hàng của Ngân hàng thay đổi và/hoặc tình hình sản xuất kinh doanh theo đánh giá của ngân hàng có tính hưởng xấu.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.375.064.635	414.504.910
Thuế thu nhập doanh nghiệp	655.725.085	520.715.570
Thuế thu nhập cá nhân	693.813.969	211.218.603
Tiền thuê sử dụng đất tại Dự án Toàn nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại số 360 Đường Giải Phóng (*)	42.103.860.785	42.103.860.785
Các loại thuế khác	9.986.916.209	9.986.916.209
Cộng	54.815.380.683	53.237.216.077

Công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về thuế. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(*) Căn cứ: Tờ trình số 4842/TTrLN-STC-QLCS ngày 07/10/2010 của Liên ngành Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế Hà Nội; Công văn số 267/HĐND-KTNS ngày 29/10/2010 của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về việc xác định giá thu tiền sử dụng đất dự án và Quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 05/11/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc xác định giá thu tiền sử dụng đất Dự án Toàn nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại số 360 Đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội với diện tích 1.683 m² tương ứng với số tiền sử dụng đất phải nộp 44.103.860.785 VND.

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	516.468.546	-
Kinh phí công đoàn	479.711.579	548.855.144
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	363.945.521	165.095.043
Phải trả về cổ tức - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Bộ tài chính	20.879.143.040	14.481.971.900
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng Investco (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng 1 - Hà Nội (Investco1) (*)	17.898.798.413	17.898.798.413
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (*)	21.000.000.000	-
Tiền đặt cọc mua màng BOPP - Công ty TNHH MTV TM & DV Nhựa Vân Đồn	500.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	2.888.017.361	4.734.664.503
Cộng	66.526.084.460	39.829.385.003

(*) Đây là khoản tiền Công ty đã góp vào thực hiện dự án: " Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên" tại 360 Giải Phóng - Hà Nội với tổng đầu tư xấp xỉ 500 tỷ đồng.

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty SFECO	18.602.255.625	18.602.255.625
Cộng	18.602.255.625	18.602.255.625

(*) Đây là số còn lại của Hiệp định vay vốn ưu đãi giữa Chính phủ Việt Nam đại diện là Bộ Tài Chính với Ngân hàng XNK Trung Quốc và Công ty SFECO ngày 31/05/2005 về việc thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất khuôn mẫu và trục in bằng nguồn vốn ODA với giá trị 49.010.105 CNY. Trong đó nợ SFECO đến 31/12/2012 theo nguyên tệ là 9.015.685,77 CNY. Khoản nợ phải trả đã được Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc trả cho Công ty SFECO. Công ty mẹ chưa thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ do việc nhận nợ vay phải được thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh và tính đến 31/12/2012 Công ty vẫn chưa nhận được xác nhận của Ngân hàng.

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	78.107.485.571	90.387.600.100
+ Vay ngân hàng	78.107.485.571	90.387.600.100
- Vay dài hạn tại Công ty mẹ	77.997.651.196	89.435.078.050
- Vay dài hạn tại các Công ty con	109.834.375	952.522.050
Cộng	78.107.485.571	90.387.600.100

1. Tại Công ty mẹ

Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 tín dụng ưu đãi của Trung Quốc để thực hiện xây dựng dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất khuôn mẫu và trục in.

Đồng tiền cho vay, nhận nợ và trả nợ là: Đồng Nhân dân tệ Trung Quốc.

Tổng hạn mức vốn cho vay: 49.010.105 CNY với số dư nguyên tệ tại ngày 31/12/2012 là 33.995.256,35 CNY

Lãi suất cho vay: 3,2% năm tính trên số dư nợ vay, Phí cho vay lại của Quỹ HTPT: 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay (đã bao gồm trong mức lãi suất nêu tại điểm 1.5) và được trả cùng thời điểm thu lãi theo nguyên tắc thu đủ số phí phát sinh trong kỳ.

Lãi phạt chậm trả: 150% lãi suất cho vay tính trên số nợ gốc(gốc, lãi, phí cho vay lại) chậm trả.

Thời hạn cho vay: 15 năm, trong đó có 5 năm ân hạn tính từ ngày Hiệp định có hiệu lực do Bộ tài chính thông báo. Bên vay phải trả nợ gốc, lãi, phí cho vay lại 6 (sáu) tháng một lần vào các ngày 10/3 và 10/9 hàng năm

Kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu vào kỳ thu nợ gần nhất kể từ sau khi kết thúc thời gian ân hạn.

2. Tại các Công ty con.

+ Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long.

Các khoản vay dài hạn với số dư nợ tại 31/12/2012 vay bằng đô la Mỹ 5.273,40 USD tương đương 109.834.375 VND theo các hồ sơ và tài liệu sau:

Hợp đồng tín dụng số 423.10.056.35715.TD ngày 15/11/2010, phụ lục hợp đồng ngày 08/04/2011, khế ước LD1109800070, các điều kiện và điều khoản chung của hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 58.10.056.35715 ngày 15/11/2010, các điều kiện và điều khoản chung về thế chấp máy móc thiết bị, hàng hóa và/hoặc quyền đòi nợ số 37.10.056..DKDB ngày 15/11/2010:

- Hạn mức: khoản vay bằng USD tối đa 31.640 USD

- Thời hạn: 105 tháng kể từ nhận nợ đầu tiên

- Mục đích: Thanh toán hợp đồng nhập khẩu số 1010-01CWGC/NTL ký ngày 29/10/2010 giữa Công ty với Tập đoàn Xuất nhập khẩu Shanghai Electric.

- Lãi suất: Theo lãi suất tiết kiệm USD của Ngân hàng TMCP Quân đội kỳ hạn 24 tháng (lãi trả sau) và biên độ 3,4%/năm, lãi suất kỳ đầu tiên 8,6% kỳ hạn điều chỉnh là ngày làm việc đầu tiên đầu mỗi quý tiếp theo.

- Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ nguồn vốn vay "Khuôn kết bia 20 chai x 500ml". Giá trị máy móc theo Biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 15/11/2010 và hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 319.10.056.35715 ngày 15/11/2010 là 881.490.000 VND tương đương 45.200 USD theo hợp đồng đảm bảo 319.10.056.35715.DB ngày 15/11/2010.

- Các khoản vay được hoàn trả theo kế hoạch chi tiết như sau:

	31/12/2012 USD
Ngày 28/01/2013	1.318,33
Ngày 28/02/2013	1.318,33
Ngày 28/03/2013	1.318,33
Ngày 28/04/2013	1.318,41
Cộng	5.273,40

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	6	7	8	9	11
Số dư đầu năm trước	186.893.000.000	390.325.000	297.002.497	(2.394.257)	1.344.694.926	177.199.176	8.176.309.761	197.276.137.103
Tăng vốn trong năm	11.512.000.000	-	-	-	-	-	-	11.512.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	1.703.216.790	1.703.216.790
Bổ xung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	3.311.335.226	23.481.946	23.481.946	3.844.791.446	7.203.090.564
Lỗ trong năm trước	(4.115.867.204)	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(4.115.867.204)
Chia cổ tức trong năm	-	(200.228.169)	-	(8.668.748.393)	(682.552.332)	(86.827.596)	(549.440.565)	(23.594.983.406)
Giảm khác trong năm	-	190.096.831	297.002.497	(5.359.807.424)	685.624.540	113.853.526	(781.749.484)	189.434.153.282
Số dư cuối năm trước	194.289.132.796	190.096.831	297.002.497	(5.359.807.424)	685.624.540	113.853.526	(781.749.484)	189.434.153.282
Số dư đầu năm nay	194.289.132.796	190.096.831	297.002.497	880.894	-	-	-	880.894
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	6.417.366.135	-	-	9.715.207.980	16.132.574.115
Lãi trong năm nay	-	-	-	12.407.124	29.196.493	29.196.493	157.141.054	227.941.164
Tăng khác	-	-	-	(1.898.324)	-	-	(193.800.000)	(195.698.324)
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	(3.558.727.617)	-	-	-	(3.558.727.617)
Lỗ trong năm nay	(2.796)	(85.346.345)	(145.531.224)	(37.956.219)	(405.411.411)	(112.640.031)	(9.331.359.659)	(10.118.247.685)
Giảm khác	-	104.750.486	151.471.273	(2.527.735.430)	309.409.622	30.409.987	(434.560.109)	191.922.875.830
Số dư cuối năm nay	194.289.130.000	104.750.486	151.471.273	(2.527.735.430)	309.409.622	30.409.987	(434.560.109)	191.922.875.830

(*) Tại ngày 31/12/2012 Công ty mẹ chi đánh giá cho một phần của khoản vay gốc ngoại tệ trong tổng số nguyên tệ 43.010.942,12 CNY từ nguồn vốn vay ODA (trong đó nợ Công ty SFECO: 9.015.685,77 CNY - chi tiết tại thuyết minh số 16; nợ Ngân hàng phát triển: 33.995.256,35 CNY - chi tiết tại thuyết minh 17) là: 3.469.793.001 VND theo hướng dẫn tại công văn số 1571/BTC-TCĐN của Cục tài chính Doanh nghiệp Bộ tài chính và Quyết định số 6248/QĐ-BCT ngày 28/11/2011 về việc "Xác định giá trị phần vốn Nhà nước của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ Phần". Hiện Công ty đã kê chuyển 2.858.638.518 VND chênh lệch tỷ giá để xác định kết quả kinh doanh theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/10/2009 về hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong Doanh nghiệp.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	Tỷ lệ	01/01/2011	Tỷ lệ
	VND	sở hữu	VND	sở hữu
Vốn góp của nhà nước	127.943.420.000	65,85%	127.943.422.796	65,85%
Các cổ đông khác	66.345.710.000	34,15%	66.345.710.000	34,15%
Cộng	194.289.130.000	100,00%	194.289.132.796	100,00%

c. Cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.428.913	19.800.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	1.208.038.442.666	969.651.969.287
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.053.597.438	22.783.722.333
Cộng	1.225.092.040.104	992.435.691.620

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<i>Trong đó:</i>		
Giảm giá hàng bán	3.441.344.915	818.570.956
Hàng bán bị trả lại	896.791.383	4.033.628.058
Cộng	4.338.136.298	4.852.199.014

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	Tỷ lệ	01/01/2011	Tỷ lệ
	VND	sở hữu	VND	sở hữu
Vốn góp của nhà nước	127.943.420.000	65,85%	127.943.422.796	65,85%
Các cổ đông khác	66.345.710.000	34,15%	66.345.710.000	34,15%
Cộng	194.289.130.000	100,00%	194.289.132.796	100,00%

c. Cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.428.913	19.800.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	1.208.038.442.666	969.651.969.287
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.053.597.438	22.783.722.333
Cộng	1.225.092.040.104	992.435.691.620

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<i>Trong đó:</i>		
Giảm giá hàng bán	3.441.344.915	818.570.956
Hàng bán bị trả lại	896.791.383	4.033.628.058
Cộng	4.338.136.298	4.852.199.014

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	1.203.700.306.368	964.799.770.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.053.597.438	22.783.722.333
Cộng	1.220.753.903.806	987.583.492.606

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.161.130.843.260	897.694.635.245
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.782.732.136	31.847.090.406
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	150.370.000	-
Cộng	1.171.063.945.396	929.541.725.651

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi tiền cho vay	1.951.322.219	2.351.853.442
Lãi đầu tư kỳ phiếu, trái phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.933.948.072	4.372.215.410
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	134.115.287	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.646.463	568.883.705
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	84.646.596	275.829.318
Lãi bán hàng trả chậm	8.996.930.028	11.590.001.736
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.000.000
Cộng	39.127.608.665	19.161.783.611

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	40.226.511.824	30.491.731.683
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	9.637.508.360	-
Hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng	(141.361.482)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.004.218.758	2.578.765.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.330.650.899	-
Chi phí tài chính khác	111.892.591	4.207.728.687
Cộng	58.169.420.950	37.278.225.761

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập từ bồi thường	26.170.898	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	2.697.196.539
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	39.145.300	-
Thu nhập khác	429.863.409	450.370.426
Chênh lệch đánh giá lại tài sản đem góp vốn	14.321.801.296	2.415.091.985
Cộng	14.816.980.903	5.562.658.950

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Nộp phạt vi phạm hành chính	3.500.000	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	2.064.604.607
Chi phí khác	585.188.294	190.263.493
Cộng	588.688.294	2.254.868.100

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên CP	9.715.207.980	1.703.216.790
Lãi suất phân chia cho cổ phiếu trong kỳ	-	-
Lợi tức cổ phiếu ưu đãi trong kỳ	-	-
Lợi tức cổ phiếu thường trong kỳ	-	-
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	19.428.913	19.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	500	86

2. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

* Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thù lao	1.293.085.788	806.642.848
Cộng		1.293.085.788	806.642.848

Giao dịch với các bên có liên quan

Giao dịch mua	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Công ty con	Nhập mua hàng hóa, chi phí chạy thử nhựa	1.876.879.705	16.568.946.749
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Công ty con	Mua hàng	67.482.455	328.388.231
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Công ty con	Mua hàng, phí đảo tạo dây nghề	3.276.553.200	1.820.794.431
Công ty TNHH MTV Nhựa Trường An	Công ty con	Mua hàng	1.113.600.000	
Công ty TNHH MTV Nhựa số 1	Công ty con	Mua hàng, phí hoa hồng vận chuyển	4.284.817.679	4.583.322.910
Công ty LD Việt Thái Plastics	Công ty liên doanh	Mua hàng	92.295.940	45.149.602.000
Công ty LD TPC Vina	Công ty liên doanh	Mua hàng	60.208.720.000	
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết	Mua hàng, phí hoa hồng vận chuyển, phí điện nước, phí đảo tạo dây nghề	12.663.961.208	49.253.805.420
Công ty CP Yout Chon Vina	Công ty liên kết	Mua hàng, cán trừ công nợ, tiền lãi trả chậm	416.644.974.144	270.918.093.329
Cộng			500.229.284.331	388.622.953.070

Giao dịch bán	Mối quan hệ	Tinh chất giao dịch	Năm 2012		Năm 2011	
			VND		VND	
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Công ty con	Bán hàng hóa, tiền lãi, bù trừ công nợ	19.379.860.907		57.548.668.336	
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Công ty con	Thuê máy móc thiết bị từ nguồn vốn vay ODA	417.242.100		454.976.610	
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Công ty con	Bán hàng hóa, tiền lãi	4.754.594.909		-	
Công ty TNHH MTV Nhựa Trường An	Công ty con	Bán hàng hóa	27.792.377.555		-	
Công ty TNHH MTV Nhựa Số 1	Công ty con	Bán HH, cán trừ công nợ, tiền lãi trả chậm	66.255.934.455		-	
Công ty LD Việt Thái Plastchem	Công ty liên doanh		-		4.893.826.518	
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, tiền lãi	170.419.263.061		111.386.724.138	
Công ty CP Nhựa Tân Phú	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	1.651.670.518		1.568.282.692	
Công ty CP Youl Chon Vina	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, cán trừ công nợ	54.609.230.000		-	
Công ty CP SX-TM-DV Nhựa Mộc Nghệ An	Công ty liên kết	Chuyển nhượng nhà xưởng, Bàn giao công nợ, bán giao tiền	3.340.837.468		-	
Cộng			348.621.010.973		175.852.478.294	

* Số dư với các bên liên quan

Số dư phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Phải thu khách hàng	43.979.834.186	40.259.176.043
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Phải thu khách hàng, phải thu khác	888.359.714	362.231.059
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.343.610.725	4.513.780.932
Công ty TNHH MTV Nhựa Trường An	Phải thu khách hàng	-	20.565.317.876
Công ty TNHH MTV Nhựa Số Một	Phải thu khách hàng	11.432.512.899	3.305.998.410
Công ty LD Việt Thái Plastchem	Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.035.371.316	-
Công ty LD TPC Vina	Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.038.874.504	-
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Phải thu khách hàng	64.004.546.377	-
Công ty CP Nhựa Tân Phú	Phải thu khách hàng	4.213.408.282	-
Công ty CP SX-TM-DV Nhựa Mộc Nghệ An	Phải thu khách hàng	97.036.843	-
Cộng		135.033.554.846	69.006.504.320

Số dư phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Phải trả người bán	-	1.032.117.000
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Phải trả người bán	-	1.986.997.362
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Phải trả người bán	-	(468.500)
Công ty TNHH MTV Nhựa Trường An	Người mua trả tiền trước	139.512.131	5.514.342.717
Công ty TNHH MTV Nhựa Số Một	Phải trả người bán	1.340.817.679	35.767.528.195
Công ty LD Việt Thái Plastchem	Phải trả người bán	-	-
Công ty LD TPC Vina	Phải trả người bán	2.354.000.000	-
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Nhựa Tân Phú	Người mua trả tiền trước	-	-
Công ty CP Youl Chon Vina	Phải trả người bán	62.002.342.375	-
Công ty CP SX-TM-DV Nhựa Mộc Nghệ An	Phải trả người bán	-	-
Cộng		65.836.672.185	44.300.516.774

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 17, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí), đối với từng loại tài sản chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh g.

Các loại Công cụ tài chính.

Công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.373.158.181	23.027.327.257
Phải thu khách hàng và phải thu khác	177.210.903.216	140.212.280.597
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	606.300.000	217.178.518
Tổng Cộng	219.190.361.397	163.456.786.372
Công cụ nợ tài chính		
Các khoản vay	268.175.976.016	300.121.890.311
Phải trả người bán và phải trả khác	184.844.913.874	126.246.058.426
Chi phí phải trả	1.799.836.035	144.654.611
Tổng Cộng	454.820.725.925	426.512.603.348

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản		
Đô la Mỹ (USA)	14.279.100.393	4.602.341.095
Euro (EUR)	2.195.173	-
Nhân dân tệ (CNY)	27.512.189.947	11.100.875.176
Nguồn vốn		
Đô la Mỹ (USA)	1.579.458.055	6.373.647.850
Nhân dân tệ (CNY)	96.599.906.821	108.037.333.675

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 10%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty chưa thực hiện được các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài khoản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm
Các khoản vay	190.068.490.445	78.107.485.571
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	166.242.658.249	18.735.255.625
Chi phí phải trả	1.799.836.035	-
	358.110.984.729	96.842.741.196

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm
Các khoản vay	209.734.290.211	90.387.600.100
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	107.643.802.801	18.726.914.989
Chi phí phải trả	144.654.611	-
	317.522.747.623	109.114.515.089

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.373.158.181	-
Các khoản phải thu	177.210.903.216	-
Các khoản đầu tư tài chính	-	606.300.000
Các khoản tài chính khác	8.764.186.037	-
	227.348.247.434	606.300.000
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.027.327.257	-
Các khoản phải thu	140.212.280.597	-
Các khoản đầu tư tài chính	-	358.540.000
Các khoản tài chính khác	6.864.526.488	-
	170.104.134.342	358.540.000

CÁC CAM KẾT

Như đã trình bày tại thuyết minh số 09 tại trang 24 và trang 25, Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC số 01/HTĐT-KD BĐS ngày 09/01/2008 và Hợp đồng bổ sung Hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC số 01/HTĐT-KD BĐS số 01.bx/HTĐT-KD BĐS ngày 21/01/2009 về việc cam kết góp vốn vào Dự án Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội với tổng vốn đầu tư 499,358 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000296 ngày 21/05/2009 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Tính đến 31/12/2012, Số vốn Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long cam kết góp vào dự án còn 192,14 tỷ đồng.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2013

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phụng

Phan Trung Nam

Nguyễn Khắc Long

